GV: Vì Thị Huê

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

MÔN LỊCH SỬ ĐỊA LÍ LỚP 6

NĂM HỌC 2023 – 2024

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng số câu | | Tổng % điểm |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | |  |  |  |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |  |
| 1 | Khí hậu và biến đổi khí hậu | Nhiệt độ không khí. Mây và mưa | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 5% |
| Thời tiết và khí hậu biến đổi khí hậu | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 | 1 | 15 |
| 2 | Nước trên Trái đất | Thủy quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước | 2 |  |  | 1/2 |  |  |  |  | 2 | 1 | 30% |
| Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà | 2 |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 10% |
| Biển và đại dương | 2 |  |  | 1/2 |  |  |  |  | 2 | 1 | 40% |
| ***Tổng*** | | | 8 |  |  | 1 |  | 1 |  | 1 | 8 | 3 |  |
| ***Tỉ Lệ*** | | | 40% | | 30% | | 20% | | 10% | | 100% | | 100% |

BẢNG ĐẶC TẢ

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung kiến thức | Mức độ nhận thức | Câu hỏi theo mức độ đánh giá | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Khí hậu và biến đổi khí hậu | Nhiệt độ không khí. Mây và mưa | **Nhận biết**  Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ không khí và lượng mưa trên bề mặt Trái đất theo vĩ độ | 1TN |  |  |  |
| Thời tiết và khí hậu biến đổi khí hậu | **Nhận biết**  - Phân biệt được thời tiết và khí hậu  - Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu trên Trái đất  **Vận dụng cao**  Trình bày được một số biện pháp ứng phó với thiên tai và biện pháp phòng tránh biến đổi khí hậu | 1TN |  |  | 1TL |
| 2 | Nước trên Trái đất | Thủy quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước | **Nhận biết**  – Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  **Vận dụng**  – Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  - Nơi bắt đầu vòng tuần hoàn lớn của nước. | 2TN | 1/2TL |  |  |
| Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà | **Nhận biết**  - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn  - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp sông và hồ  - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà  **Thông hiểu**  Mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với nguồn cung cấp nước | 2TN |  | 1TL |  |
| Biển và đại dương | **Nhận biết**  – Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  – Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển (khái niệm; hiện tượng thủy triều; phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới).  **Thông hiểu**  – Trình bày được nguyên nhân của các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển; phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới.  – Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới. | 2TN | 1/2TL |  |  |
| ***Tổng*** | | | | 8 | 1 | 1 | 1 |
| ***Tỉ lệ*** | | | | 40% | 30% | 20% | 10% |

Xăm khòe ngày 10 tháng 3 năm 2024

**BGH duyệt TT chuyên môn duyệt Người Lập**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG TH&THCSXĂM KHÒE**  **TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI**  ***Đề chính thức*** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **Năm học 2023 - 2024**  **Môn Lịch sử và Địa lí - Lớp 6**  *(Thời gian làm bài: 45 phút)* |

**­­­­­PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

**A. TRẮC NGHIỆM: *(4,0 điểm)***

***Chọn câu trả lời đúng nhất, mỗi câu đúng được 0,5 điểm***

Câu 1. Lượng mưa trung bình năm trên Trái đất phân bố như thế nào?

1. Phân bố đồng đều trên Trái đất
2. Mưa nhiều ở khu vực Xích đạo và giảm dần về phía hai cực
3. Mưa nhiều nhất ở vùng ôn đới và giảm về phía cực
4. Mưa nhiều nhất ở vùng cực và mưa ít ở vùng xích đạo

Câu 2. Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào sau đây?

1. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.

B. Hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.

C. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

D. Hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

Câu 3. Trên Trái Đất nước mặn chiếm khoảng :

A. 30,1%. B. 2,5%. C. 97,5%. D. 68,7%.

Câu 4. Nước từ đại dương bốc hơi được gió đưa vào lục địa gây mưa rơi xuống thành các dạng nước rồi đổ ra đại dương, hiện tượng đó là:

A. Vòng tuần hoàn địa chất. B. Vòng tuần hoàn nhỏ của nước.

C. Vòng tuần hoàn của sinh vật. D. Vòng tuần hoàn lớn của nước

Câu 5. Băng hà chiếm bao nhiêu phần lượng nước ngọt?

A. 1,2% C. 68,7%

B. 30,1% D. 2,5%

Câu 6. Đâu là một bộ phận của hệ thống sông?

A. Sông chính. B. Lưu lượng nước C. Thủy chế. D. Lưu vực sông

Câu 7. Chi lưu là gì?

A. Các con sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính.

B. Các con sông đổ nước vào con sông chính và sông phụ.

C. Diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông.

D. Lượng nước chảy tạo ra mặt cắt ngang lòng ở con sông.

Câu 8. Trên các biển và đại dương có những loại dòng biển nào sau đây?

A. Dòng biển lạnh và dòng biển nguội.

B. Dòng biển nóng và dòng biển trắng.

C. Dòng biển nóng và dòng biển lạnh.

D. Dòng biển trắng và dòng biển nguội.

**B. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

Câu 1.

a.Mô tả vòng tuần hoàn lớn của nước *(1,0 điểm)*

b. Lập bảng so sánh sự khác nhau của sông và hồ?*(2,0 điểm)*

Câu 2.

a. Nêu sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới. *(2,0 điểm)*

b. Em hãy nêu một số việc làm mà bản thân và gia đình có thể làm để góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu. (1,0 điểm).

……………………….HẾT…………………………

Hướng dẫn chấm

1. **TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | B | A | C | D | C | A | A | C |

1. **TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu 1 |  |  |
| a. Vòng tuần hoàn lớn của nước: Nước biển bốc hơi tạo thành mây -> mây được gió đưa vào sâu lục địa: ở vùng vĩ độ thấp, núi thấp mây gặp lạnh thành mưa; ở vùng vĩ độ cao và núi cao, mây gặp lạnh tạo thành tuyết -> mưa nhiều và tuyết tan chảy theo sông và các dòng ngầm từ lục địa ra biển -> biển lại bốc hơi,...  b.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Sông** | **Hồ** | | **Khái niệm** | Là dòng chảy thường xuyên tương đối lớn trên bề mặt lục địa. | Là vùng trũng chứa nước trên bề mặt Trái Đất, không thông với biển. | | **Nguồn cung cấp** | Nước mưa, nước ngầm, nước băng tuyết tan | Nước mưa | | **Diện tích** | Có lưu vực xác định | Thường không có diện tích nhất định. | | **Cấu tạo** | Phức tạp:gồm chi lưu, phụ lưu, sông chính...tạo thành hệ thống Sông. | Có cấu tạo đơn giản | | 1đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| Câu 2 | a. - Về nhiệt độ: vùng biển nhiệt đới có nhiệt độ cao hơn vùng biển ôn đới.  +Vùng biển nhiệt đới: dao động từ 24 - 27oC  + Vùng biển ôn đới: dao động từ 16 - 18 oC  - Về độ muối: vùng biển nhiệt đới có độ muối cao hơn vùng biển ôn đới.  +Vùng biển nhiệt đới: khoảng 35-36o/oo  +Vùng biển ôn đới: khoảng 34-35o/oo | 0,5đ  0,25đ  0,25đ  0,5đ  0,25đ  0,25đ |
| b. - Hạn chế dùng túi nilon, phân loại rác thải sinh hoạt hàng ngày.  - Sử dụng tiết kiệm, hợp lí và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.  - Tích cực trồng, chăm sóc cây xanh và bảo vệ rừng, …..  **\*Lưu ý: HS nêu được 1 đáp án đúng (0,25 điểm)**  **HS nêu được từ 2 đáp án đúng trở lên (0,5 điểm)** | 1,0 |